| | |
|---|---|
| UỶ BAN NHÂN DÂN<br>TỈNH BẮC KẠN | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
| Số: 33 /2016/QĐ-UBND | *Bắc Kạn, ngày 13 tháng 12 năm 2016* |

SỞ TƯ PHÁP T. BẮC KẠN
CÔNG VĂN ĐẾN
Số 5104
Ngày 21/12/2016

# QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định phân cấp về quản lý, tổ chức thực hiện đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

## ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 05 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Thông tư số 16/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về hình thức tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1457/TTr-SXD ngày 10 tháng 11 năm 2016; Báo cáo thẩm định số 296/BCTĐ-STP ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Sở Tư pháp,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định phân cấp về quản lý, tổ chức thực hiện đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn".

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 và thay thế Quyết định số 05/2014/QĐ-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2014 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn và Văn bản số 1276/UBND-XDCB ngày

14 tháng 4 năm 2015 của UBND tỉnh về việc quy định tạm thời một số nội dung có liên quan trong công tác thẩm định theo Luật Xây dựng.

**Điều 3.** Các ông, bà: Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 3 (thực hiện);
- Bộ Xây dựng (b/c);
- VP Chính phủ (b/c);
- Vụ pháp chế - Bộ Xây dựng (b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn ĐBQH Đơn vị tỉnh BK (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành thuộc UBND tỉnh;
- Các Chủ đầu tư trên địa bàn tỉnh;
- TT Công báo;
- Cổng thông tin ĐT tỉnh BK;
- Báo Bắc Kạn;
- Đài Phát thanh-Truyền hình tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN-XDCB.

**TM. UỶ BAN NHÂN DÂN**
**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nông Văn Chí**

| | |
|---|---|
| **UỶ BAN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH BẮC KẠN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

# QUY ĐỊNH

**Phân cấp về quản lý, tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 33 /2016/QĐ-UBND ngày 13 /12/2016 của UBND tỉnh)*

## Chương I
## QUY ĐỊNH CHUNG

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Phạm vi áp dụng: Quy định này áp dụng đối với công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng thuộc mọi nguồn vốn (có cấu phần xây dựng), gồm các bước: Thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư; thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán; tổ chức quản lý dự án, quản lý chất lượng và quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình.

2. Không áp dụng quy định này đối với các công trình thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dụng đối với các Sở, Ban, ngành thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thành phố (sau đây gọi là cấp huyện), UBND các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là cấp xã); chủ đầu tư (nhà đầu tư); các tổ chức và cá nhân có liên quan đến công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy định này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Vốn ngân sách nhà nước:* Là khoản chi của ngân sách nhà nước được dự toán và thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định để thực hiện các chương trình, dự án đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và các chương trình, dự án phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

2. *Vốn nhà nước ngoài ngân sách bao gồm:* Công trái quốc gia, trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương; vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ; vốn từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp; vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước; vốn tín dụng do Chính phủ bảo lãnh; vốn vay được bảo đảm bằng tài sản của Nhà nước; vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước; giá trị quyền sử dụng đất.

3. *Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành bao gồm*: Sở Xây dựng, Sở Giao thông Vận tải, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**Điều 4. Nguyên tắc phân cấp quản lý đầu tư**

Phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan chuyên môn và các chủ đầu tư trong việc thực hiện quản lý dự án đầu tư xây dựng; đảm bảo đúng pháp luật, đơn giản thủ tục hành chính, phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

## Chương II
## THẨM ĐỊNH, QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ DỰ ÁN

**Điều 5. Thẩm quyền quyết định đầu tư dự án**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Quyết định đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhóm A, B, C, dự án chỉ cần lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng sử dụng toàn bộ nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh quản lý, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách tỉnh (nguồn vốn xổ số kiến thiết, nguồn thu của sự nghiệp công lập để lại cho đầu tư và nguồn thu từ chuyển mục đích, chuyển quyền sử dụng đất cấp tỉnh quản lý), các khoản vốn vay khác của ngân sách tỉnh để đầu tư, trừ dự án đầu tư xây dựng được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 39 Luật Đầu tư công;

b) Tùy theo quy mô, tính chất cụ thể của từng dự án, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư dự án theo điểm c, khoản 3 Điều 39 Luật Đầu tư công năm 2014.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Quyết định đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhóm B, nhóm C, dự án chỉ cần lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng sử dụng toàn bộ vốn cân đối ngân sách địa phương cấp huyện, cấp xã, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương cấp huyện, cấp xã;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét điều kiện năng lực thực tế phân cấp hoặc ủy quyền quyết định đầu tư cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đối với dự án chỉ cần lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng được quy định tại Điểm a Khoản 2 nêu trên và có tổng mức đầu tư tối đa không quá 500 triệu đồng (trừ Chương trình xây dựng nông thôn mới có cơ chế riêng).

3. Trường hợp dự án đầu tư xây dựng chỉ cần lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng khi điều chỉnh có tổng mức đầu tư vượt mức ủy quyền theo quy định tại Điểm b Khoản 2 nêu trên thì thẩm quyền quyết định đầu tư thuộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4. Đối với dự án sử dụng nhiều loại nguồn vốn khác nhau, cấp nào có nguồn vốn nhiều hơn trong Tổng mức đầu tư thì thẩm quyền quyết định đầu tư thuộc cấp đó.

**Điều 6. Thẩm quyền thẩm định dự án đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế kỹ thuật - đầu tư xây dựng; thẩm định thiết kế cơ sở**

1. Dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước

a) Đối với các dự án do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư: Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì thẩm định đối với các nội dung quy định tại Điều 58 Luật Xây dựng năm 2014 của các dự án quy mô từ nhóm B trở xuống được đầu tư trên địa bàn tỉnh, trừ các dự án tại Điểm b Khoản này, cụ thể:

+ Sở Xây dựng thẩm định đối với công trình dân dụng, công trình công nghiệp nhẹ, công trình công nghiệp vật liệu xây dựng, công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình giao thông trong đô thị (trừ công trình đường sắt đô thị, cầu vượt sông, đường quốc lộ qua đô thị) và các công trình khác do Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu;

+ Sở Giao thông vận tải thẩm định đối với công trình giao thông (trừ công trình do Sở Xây dựng thẩm định theo quy định ở trên);

+ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định đối với công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

+ Sở Công thương thẩm định đối với công trình hầm mỏ, dầu khí, nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp và các công trình công nghiệp chuyên ngành;

b) Đối với các dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư: Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì thẩm định dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây theo quy định tại theo điểm c, khoản 2 Điều 10 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

2. Dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách

a) Đối với các dự án do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư: Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thẩm định thiết kế công nghệ (nếu có), các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định tại Khoản 3 Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 và tổng hợp kết quả thẩm định, trình phê duyệt dự án, các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định thiết kế cơ sở theo nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014, của dự án quy mô từ nhóm B trở xuống được đầu tư trên địa bàn tỉnh, trừ các dự án đã phân cấp tại điểm b khoản này;

b) Đối với các dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư: Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trừ phần thiết kế công nghệ) đối với dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư theo điểm c, khoản 3 Điều 10 Nghị định số 59/2015 /NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

3. Đối với dự án PPP

Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thẩm định các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế công nghệ (nếu có) và tổng hợp trình phê duyệt dự án. Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì thẩm định thiết kế cơ sở với các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 58 Luật Xây dựng năm 2014 và góp ý kiến về việc áp dụng đơn giá, định mức, đánh giá giải pháp thiết kế về tiết kiệm chi phí xây dựng công trình của dự án.

4. Dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn khác

Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì thẩm định thiết kế cơ sở với các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 (trừ phần thiết kế công nghệ) của dự án đầu tư xây dựng công trình công cộng, công trình xây dựng có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn của cộng đồng đối với công trình cấp II trở xuống được xây dựng trên địa bàn tỉnh. Các nội dung khác do người quyết định đầu tư tổ chức thẩm định.

5. Dự án sử dụng vốn hỗn hợp có phần tham gia bằng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách từ 30% trở lên hoặc dưới 30% nhưng trên 500 tỷ đồng trong tổng mức đầu tư thì dự án được thẩm định như đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách.

6. Đối với dự án gồm nhiều công trình có loại, cấp công trình khác nhau, cơ quan chủ trì thẩm định là cơ quan có trách nhiệm thẩm định công trình chính hoặc công trình có cấp cao nhất của dự án.

7. Trong trường hợp Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện không đủ điều kiện thực hiện công tác thẩm định dự án thì các Sở chuyên ngành thực hiện thẩm định theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

## Chương III
## THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT THIẾT KẾ, DỰ TOÁN

**Điều 7. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng**

1. Dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước

a) Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế ba bước); thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế hai bước) của công trình từ cấp II trở xuống được đầu tư trên địa bàn hành chính của tỉnh;

b) Người quyết định đầu tư phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng trường hợp thiết kế ba bước; phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng trường hợp thiết kế hai bước;

c) Chủ đầu tư tổ chức thẩm định và phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình đối với trường hợp thiết kế ba bước.

2. Dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách

a) Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế ba bước) và thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế hai bước) của công trình từ cấp III trở lên được đầu tư trên địa bàn tỉnh;

Người quyết định đầu tư tổ chức thẩm định thiết kế, dự toán phần công nghệ (nếu có) và tổ chức thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng các công trình còn lại và công trình điện lưới trung áp;

b) Người quyết định đầu tư phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng trong trường hợp thiết kế ba bước;

c) Chủ đầu tư tổ chức thẩm định và phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình đối với trường hợp thiết kế ba bước và phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình đối trường hợp thiết kế hai bước sau khi có kết quả thẩm định của các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành.

d) Đối với dự án đầu tư theo hình thức PPP, chủ đầu tư tổ chức thẩm định và phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng công trình.

3. Dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn khác

a) Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì thẩm định thiết kế kỹ thuật (trường hợp thiết kế ba bước); thiết kế bản vẽ thi công (trường hợp thiết kế hai bước) của công trình công cộng từ cấp III trở lên, công trình xây dựng có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn của cộng đồng được xây dựng trên địa bàn tỉnh.

Người quyết định đầu tư tự tổ chức thẩm định thiết kế xây dựng của các công trình còn lại.

b) Người quyết định đầu tư, chủ đầu tư phê duyệt thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình.

## Chương IV
## TỔ CHỨC QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

### Điều 8. Hình thức tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng

1. Đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư, hình thức tổ chức quản lý dự án là Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định thành lập.

Trường hợp nếu Chủ tịch UBND tỉnh giao cơ quan, tổ chức quản lý, sử dụng vốn để đầu tư xây dựng công trình là chủ đầu tư dự án thì cơ quan, tổ chức được giao chủ đầu tư có trách nhiệm ký hợp đồng thuê Ban quản lý dự án chuyên ngành hoặc Ban quản lý dự án khu vực để thực hiện quản lý dự án theo quy định (trừ trường hợp dự án đủ điều kiện áp dụng hình thức Ban quản lý dự án đầu tư

xây dựng một dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 62 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13).

2. Đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư, hình thức tổ chức quản lý dự án là Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định thành lập.

Trường hợp nếu Chủ tịch UBND huyện giao cơ quan, tổ chức quản lý, sử dụng vốn để đầu tư xây dựng công trình là chủ đầu tư dự án thì cơ quan, tổ chức được giao chủ đầu tư có trách nhiệm ký hợp đồng thuê Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện để thực hiện quản lý dự án theo quy định.

3. Đối với các dự án do UBND cấp xã được giao làm chủ đầu tư hoặc quyết định đầu tư đồng thời thực hiện vai trò của chủ đầu tư, thì UBND cấp xã ủy thác cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện để thực hiện quản lý dự án (trừ các dự án thuộc Chương trình xây dựng nông thôn mới có cơ chế đặc thù riêng).

4. Đối với dự án sử dụng vốn khác, người quyết định đầu tư quyết định hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng phù hợp với yêu cầu quản lý và điều kiện cụ thể của dự án.

## Chương V
## QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

### Điều 9. Quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng

1. Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành giúp UBND cấp tỉnh quản lý chất lượng công trình chuyên ngành trên địa bàn theo quy định tại Khoản 4 Điều 51 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Ban Quản lý các Khu công nghiệp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng đối với các công trình thuộc địa bàn quản lý.

3. Uỷ ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm quản lý chất lượng các công trình xây dựng do UBND cấp huyện cấp giấy phép xây dựng; các công trình nhà ở riêng lẻ của hộ gia đình, cá nhân; các công trình sử dụng vốn ngân sách Nhà nước do UBND cấp huyện quyết định đầu tư hoặc được UBND tỉnh uỷ quyền quyết định đầu tư.

### Điều 10. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng

1. Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì kiểm tra công tác nghiệm thu công trình chuyên ngành trên địa bàn theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 32 và Khoản 4 Điều 51 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

2. Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Quản lý Đô thị thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu đối với công trình cấp III, cấp IV thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã.

## Chương VI
## QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

**Điều 11. Quản lý chi phí đầu tư xây dựng**

1. Lập định mức dự toán xây dựng: Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Sở quản lý xây dựng chuyên ngành tổ chức lập, xây dựng định mức cho các công việc đặc thù chuyên ngành của địa phương, trình UBND tỉnh công bố sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng theo quy định.

2. Quản lý giá xây dựng công trình: Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xác định và công bố giá vật tư, vật liệu xây dựng hàng quý tại trung tâm các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh, để các tổ chức, cá nhân tham khảo trong việc xác định giá xây dựng công trình.

3. Công bố chỉ số giá xây dựng: Sở Xây dựng căn cứ vào phương pháp xác định chỉ số giá xây dựng do Bộ Xây dựng hướng dẫn, xác định các loại chỉ số giá theo quy định; định kỳ công bố hàng tháng, quý, và năm để các tổ chức, cá nhân tham khảo trong việc xác định, điều chỉnh tổng mức đầu tư xây dựng, giá xây dựng công trình, dự toán xây dựng công trình, dự toán gói thầu xây dựng, giá hợp đồng xây dựng, quy đổi vốn đầu tư xây dựng và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

**Điều 12. Thẩm tra và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư**

1. Sở Tài chính thẩm tra quyết toán vốn đầu tư các dự án nhóm A, B, C thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh (trừ các công trình đã được phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp huyện) trình UBND tỉnh phê duyệt.

Đối với các dự án phải kéo dài thời gian thực hiện do các lý do bất khả kháng, căn cứ quy mô, tính chất và thời hạn xây dựng của từng dự án cụ thể, Sở Tài chính tham mưu việc quyết toán công trình, hạng mục công trình độc lập hoàn thành trong dự án đó.

2. Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Tài chính phê duyệt quyết toán vốn đầu tư đối với các công trình xây dựng chỉ có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng (bao gồm cả công trình sử dụng vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư, Quỹ bảo trì đường bộ tỉnh) có tổng mức đầu tư dưới 5 tỷ đồng, trừ các công trình đã phân cấp tại Khoản 3 Điều này.

3. Chủ tịch UBND cấp huyện tổ chức thẩm tra và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư đối với các dự án đã phân cấp quyết định đầu tư theo quy định tại Điểm b Khoản 1 và Khoản 2 Điều 5 Quy định này.

## Chương VII
## ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

**Điều 13. Xử lý chuyển tiếp**

1. Đối với các dự án đã được phê duyệt trước thời điểm Quy định này có hiệu lực thì các công việc tiếp theo của dự án được thực hiện theo Quy định này và phù hợp với các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Đối với các dự án chưa được phê duyệt khi Quy định này có hiệu lực thì các công việc tiếp theo thực hiện theo quy định tại Quy định này và các văn bản pháp luật có liên quan.

**Điều 14. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối, tổ chức hướng dẫn, kiểm tra các sở, ngành, địa phương, các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện Quy định này; định kỳ 06 tháng, 01 năm báo cáo UBND tỉnh, Bộ Xây dựng kết quả thực hiện công tác QLDA đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh.

2. Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Giao thông Vận tải; UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của Quy định này; định kỳ 06 tháng, 01 năm báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Xây dựng) kết quả thực hiện công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng thuộc lĩnh vực, ngành quản lý.

Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc nội dung không còn phù hợp theo quy định thì các Sở, ngành, UBND cấp huyện, chủ đầu tư, các tổ chức và cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh, sửa đổi và bổ sung theo quy định./.

**TM. UỶ BAN NHÂN DÂN**
**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nông Văn Chí**